

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	ACB	405.272.444	402.272.444
2	FPT	110.223.660	106.890.328
3	HDB	347.308.004	344.308.004
4	HPG	329.653.423	319.653.423
5	MSN	51.719.899	50.719.899
6	SHB	336.688.572	333.688.572
7	STB	130.798.911	128.798.911
8	VNM	47.293.979	44.893.979
9	VPB	412.696.876	402.696.876
10	VRE	57.524.038	55.524.038

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 12/10/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	402.272.444
2	FPT	1.885.727.648	1.517.445.038	151.744.503	106.890.328
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	344.308.004
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	319.653.423
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	257.434.707

6	MBB	10.068.749.885	4.561.143.697	456.114.369	368.010.943
7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	50.719.899
8	MWG	1.475.694.086	1.104.261.884	110.426.188	73.503.679
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	333.688.572
10	SSB	3.468.800.000	1.830.485.760	183.048.576	178.441.376
11	SSI	3.001.302.333	1.993.465.009	199.346.500	199.346.500
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	128.798.911
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	314.421.686
14	VHM	8.214.824.008	2.322.330.747	232.233.074	213.514.513
15	VIB	3.735.386.252	2.040.641.509	204.064.150	148.618.625
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	207.355.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	24.056.655
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	44.893.979
19	VPB	10.000.000.000	5.278.000.000	527.800.000	402.696.876
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	55.524.038